



Ngân hàng nước ngoài và thị trường tài chính Việt Nam

PGS., TS. NGUYỄN ĐÌNH TÀI

Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế T.Ư.

ThS. NGUYỄN THU PHƯƠNG

Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam

Kể từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, Việt Nam đã tạo ra nhiều điều kiện hấp dẫn hơn cho các tổ chức tài chính nước ngoài tham gia thị trường trong nước. Việc thực hiện lộ trình mở cửa thị trường tài chính để đáp ứng những yêu cầu gia nhập WTO đã giúp các ngân hàng nước ngoài xuất hiện ngày càng nhiều và hoạt động khá thành công tại Việt Nam. Tuy nhiên, điều này cũng mang lại cả tác động tích cực lẫn sự cạnh tranh cho các ngân hàng trong nước cũng như những thách thức đối với hệ thống quản lý ở Việt Nam.

Ngân hàng nước ngoài "đổ bộ" vào Việt Nam

Ngay từ năm 1870, những ngân hàng nước ngoài đầu tiên đã có mặt tại Việt Nam. Sau đó, một số ngân hàng nước ngoài khác cũng đã xuất hiện và hoạt động tại Việt Nam cho đến tận những năm 70 của thế kỷ trước khi đất nước còn đang chiến tranh. Việc tham gia của các ngân hàng nước ngoài này ở Việt Nam thời kỳ này có vai trò chính là để phục vụ các khách hàng ở nước họ.

Kể từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, cùng với những cải cách trên thị trường tài chính (TTTC) là chuyển hệ thống ngân hàng 1 cấp thành hệ thống ngân hàng thương mại, Việt Nam đã tạo ra thêm những điều kiện hấp dẫn hơn cho các tổ chức tài chính nước ngoài tham gia thị trường. Việc thực hiện lộ trình mở cửa TTTC để đáp ứng những yêu cầu gia nhập WTO đã giúp các ngân hàng nước ngoài ngày càng tham gia sâu vào TTTC Việt Nam. Sau gần 20 năm hoạt động tại Việt Nam trong giai đoạn đổi mới nền kinh tế, các ngân hàng nước ngoài giờ đây đã là một trong những bộ phận cấu thành quan trọng của TTTC Việt Nam.

Đến cuối năm 2008, đã có 40 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 ngân hàng liên doanh và hơn 50 văn phòng đại diện của ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Việt Nam cũng đã chấp thuận việc thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài cho các ngân hàng trên.

Các quy định về hoạt động của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam

Tháng 6/1991, Chính phủ CHXHCN Việt Nam đã đưa ra văn bản đầu tiên quy định việc tham gia của ngân hàng nước ngoài vào TTTC Việt Nam. Đó là Nghị định 189/HĐBT về hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Tiếp sau đó, tháng 3/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 13/1999/NĐ-CP thay thế Nghị định 189 nhằm mở rộng thêm địa bàn hoạt động cho các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Giống như các nước đang phát triển khác, các quy định mà Việt Nam đặt ra cho các ngân hàng nước ngoài chứa đựng một số hạn chế trong hoạt động. Cách thức này là nhằm để bảo vệ các ngân hàng trong nước tránh sự cạnh tranh từ phía các ngân hàng nước ngoài trong giai

đoạn phát triển ban đầu của TTTC. Hiện nay, các văn bản pháp quy chủ yếu quy định hoạt động của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

- Luật các tổ chức tín dụng (2004) (Thay thế Luật các tổ chức tín dụng (1997)). Đây là văn bản pháp quy quan trọng nhất điều chỉnh hoạt động của các tổ chức tín dụng bao gồm cả hoạt động của các ngân hàng nước ngoài.

- Nghị định số 22/2006/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam về việc tổ chức và hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Cùng với Nghị định này, còn có Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định trên. Hai văn bản pháp lý này là những quy định chủ yếu đối với hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Phạm vi điều chỉnh của hai văn bản này bao gồm chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các văn phòng đại diện của các tổ chức tài chính nước ngoài tại Việt Nam. Hai văn bản này đã đặt ra những quy định chi tiết đối với việc tổ chức và hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam như: các hình thức hiện diện được phép, quyền và

ngĩa vụ, sự kiểm soát của Chính phủ, các hoạt động kinh doanh bị hạn chế, và những quy định về kế toán, kiểm toán và giám sát.

• Nghị định số 69/2007/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam về việc các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghị định này quy định chi tiết việc các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam như: đối tác mua bán, quy định về tỷ lệ sở hữu, các điều kiện mua, bán và chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu, quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư nước ngoài...

Các văn bản trên đã định ra "hành lang pháp lý" cơ bản cho các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Chúng cũng chứa đựng một số quy định hạn chế về hình thức hiện diện thương mại, hạn chế về một số hoạt động thường nhật, một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đối với các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể là:

Đối với các văn phòng đại diện:

Các ngân hàng nước ngoài chỉ có thể mở một văn phòng đại diện tại mỗi tỉnh hoặc thành phố. Các văn phòng đại diện không được phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Họ chỉ hoạt động với tư cách là cầu nối cho các ngân hàng nước ngoài, tiến hành nghiên cứu thị trường, xúc tiến các dự án đầu tư của các ngân hàng nước ngoài, theo dõi các hợp đồng hoặc cam kết được ký giữa các ngân hàng nước ngoài và các doanh nghiệp Việt Nam.

Đối với các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài:

Chi nhánh của ngân hàng nước ngoài không được phép mở văn phòng giao dịch cạnh nơi được đặt chi nhánh, ngoại trừ việc đặt các máy ATM.

Về loại hình, phạm vi và lĩnh vực kinh doanh của ngân hàng mẹ ở nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sẽ quy định chi tiết về loại hình và nội dung hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong giấy phép cấp cho các chi nhánh này. Tuy nhiên, điều này phải tuân thủ nguyên tắc: chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh như của ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư và các loại hình ngân hàng khác, có mối liên

quan tới loại hình ngân hàng mẹ ở nước ngoài và theo nguyên tắc "không phân biệt đối xử" giữa ngân hàng nước ngoài và ngân hàng trong nước cùng loại.

Đối với các ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài:

Các ngân hàng liên doanh và các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được phép mở văn phòng giao dịch chính, các chi nhánh khác, văn phòng đại diện và các công ty con. Các ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài được phép tiến hành mọi hoạt động kinh doanh của một ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư hoặc các loại hình ngân hàng khác theo quy định của Chính phủ và pháp luật hiện hành. Các hình thức hoạt động này sẽ được ghi chi tiết trong giấy phép do NHNN cấp. Các ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài được phép tiến hành hoạt động kinh doanh như các ngân hàng trong nước cùng loại, nhưng chỉ được hoạt động tại Việt Nam không quá 99 năm.

Cách thức tham gia của ngân hàng nước ngoài vào TTC Việt Nam

Theo những thay đổi trong luật mới, các ngân hàng nước ngoài có thể thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam kể từ năm 2007. Đến tháng 6/2008, NHNN về nguyên tắc đã cho phép ngân hàng Hồng Kông Thương Hải HSBC, ngân hàng Standard Chartered Bank và ANZ thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, những ngân hàng này vẫn đang trong quá trình hình thành và chỉ có thể cung cấp dịch vụ ngân hàng trong giai đoạn tới. Với khả năng cung cấp đầy đủ sản phẩm và dịch vụ ngân hàng như các ngân hàng trong nước, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài sẽ trở thành những đối thủ trực tiếp của các ngân hàng trong nước.

Từ những thay đổi trong các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị định số 22/2004/NĐ-CP, Chính phủ Việt Nam đã bãi bỏ sự phân biệt đối xử với các ngân hàng nước ngoài. Theo đó, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài có thể thực hiện các hoạt động của một ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, ngân

hàng phát triển và các loại ngân hàng khác với nguyên tắc "không phân biệt đối xử" giữa các ngân hàng nước ngoài và trong nước. Điều đó có nghĩa là các ngân hàng nước ngoài có thể tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào mà các ngân hàng trong nước có thể làm. Các ngân hàng nước ngoài và trong nước có thể nhận được sự đối xử như nhau từ Chính phủ, NHNN Việt Nam cũng như các cơ quan Chính phủ khác.

Những "gặt hái" ban đầu

Những thay đổi trên đã tạo ra bước tiến quan trọng trong hoạt động của các ngân hàng nước ngoài. Với việc mở cửa TTC Việt Nam, các ngân hàng nước ngoài có thể cung cấp cho khách hàng đầy đủ các dịch vụ ngân hàng. Cho đến nay, sau một số năm thực hiện thay đổi Luật, một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm ăn hiệu quả ở Việt Nam như HSBC, Citibank, Standard Chartered, Deutsche AG đã cung cấp cho các khách hàng ở nước họ cũng như khách hàng ở Việt Nam hầu hết mọi dịch vụ ngân hàng mà họ cung cấp ở các thị trường khác. Dưới đây đưa ra những thông tin khái quát về thị phần của các khối ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, trong đó có khối các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (Bảng 1).

Nhìn chung, các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có sự tăng trưởng ổn định (cho dù thị phần còn rất khiêm tốn), tuân thủ mọi quy định và pháp luật Việt Nam. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện đóng vai trò như là cầu nối để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Các tổ chức này là những đối thủ tiềm năng của các ngân hàng trong nước nhưng họ cũng là kênh thu hút công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản trị quốc tế và cung cấp thêm vốn cho thị trường tài chính Việt Nam. Với thực tế là Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO, nhiều ngân hàng nước ngoài khác đã nghiên cứu và xác định khả năng, thời điểm thích hợp để tiếp cận với TTC Việt Nam dưới nhiều hình thức khác nhau. Với nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm loại bỏ những hạn chế đối với hoạt động của ngân hàng nước ngoài, hoạt động của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam sẽ trở nên hiệu quả và năng động hơn.



Bảng 1

THỊ PHẦN TIỀN GỬI, CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (TCTD) Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000 - 2007 (%)

Loại TCTD	2000		2001		2002		2003		2004		2005		2006		2007	
	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay	Tiền gửi	Cho vay
Các NHTM nhà nước	77	77	80	79	79	80	78	79	75	77	75	73	69	65	59	55
Các NHTM cổ phần	11	9	9	9	10	10	11	11	13	12	16	15	22	21	30	29
Các chi nhánh NH nước ngoài và NH liên doanh	10	12	10	10	9	9	9	9	10	9	8	10	8	9	9	9
Các TCTD khác	1	2	1	2	1	2	1	2	2	2	2	2	1	5	2	7

Nguồn: Vo Tri Thanh and Pham Chi Quang, *Managing Capital Flows: The Case of Vietnam*, May 2008, ADB Institute Discussion Paper No. 105.

Những rủi ro có thể mang lại cho TTTC Việt Nam

Mức độ phức tạp của TTTC trong nước tăng lên

TTTC Việt Nam sẽ trở nên phức tạp hơn khi mở cửa cho các đối tác nước ngoài. Khi TTTC Việt Nam là một thị trường đóng, thị trường chỉ có các ngân hàng quốc doanh và một số lượng nhỏ các ngân hàng thương mại cổ phần. Những ngân hàng này chỉ cung cấp các sản phẩm truyền thống như tài khoản ngân hàng, tiền gửi hoặc cho vay. Vào giai đoạn đó, các ngân hàng này nằm dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Khi các ngân hàng nước ngoài bước vào thị trường Việt Nam, họ mang theo danh mục một loạt các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng, công nghệ mới đối với công chúng và các tổ chức của Việt Nam. Bên cạnh đó, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc các ngân hàng 100% vốn nằm dưới sự giám sát của các ngân hàng mẹ. Họ cũng cần phải tuân thủ những yêu cầu về công khai thông tin, kế toán và báo cáo tài chính như yêu cầu của ngân hàng mẹ, những yêu cầu này gắn chặt với thông lệ quốc tế. Sự tham gia của ngân hàng nước ngoài mang lại những nhân tố mới và sự tinh tế cho TTTC trong nước nhưng chính những điều này kéo theo việc không đủ năng lực giám sát của các cơ quan chức năng Việt Nam, nếu các cơ quan này không kịp thời "đổi mới".

Thách thức cho các ngân hàng thương mại trong nước

Các cam kết mở cửa dịch vụ ngân hàng cũng như việc tham gia sâu hơn của ngân hàng nước ngoài vào TTTC Việt Nam đã tạo ra áp lực đối với cả

ngân hàng thương mại trong nước. Nhận thức được những thách thức cũng như cơ hội của việc các ngân hàng nước ngoài tham gia vào TTTC, các ngân hàng thương mại trong nước đã có những biện pháp thích hợp để tăng cường khả năng cạnh tranh. Nhằm nâng cao năng lực của các ngân hàng quốc doanh, Chính phủ Việt Nam đã có kế hoạch tái cơ cấu các ngân hàng này để thực hiện cổ phần hóa. Cho đến nay, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) đã tiến hành đợt phát hành ra công chúng (IPO) thành công, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) đã thực hiện những bước đi đầu tiên, còn các ngân hàng quốc doanh khác thì đang trong lộ trình cổ phần hóa đến năm 2010. Các ngân hàng thương mại cổ phần cũng đã bắt đầu tăng vốn điều lệ nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Trước sự hội nhập và cạnh tranh từ phía các ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng thương mại trong nước cũng đã đầu tư vào công nghệ và mở rộng tiện ích và đưa ra các gói dịch vụ mới. Các ngân hàng như Sacombank, Habubank, Việt Á, ngân hàng Quân đội, ngân hàng Phát triển nhà đã đổ hàng triệu USD để phục vụ cho việc triển khai Hệ thống ngân hàng hạt nhân với mục đích phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại. Ngân hàng VIB đã thành công trong việc triển khai khai thác hệ thống ngân hàng đa năng, gọi tắt là SYMBOL, được công ty System Access của Singapore cung cấp.

Nhằm tăng cường tiềm năng tài chính của mình, các ngân hàng trong nước đã bắt đầu ký các thỏa thuận hiệp định chiến lược với các tập đoàn

kinh tế lớn trong nước. Chẳng hạn như BIDV đã ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) hợp tác với FPT, ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) đã ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Cao su Việt Nam, Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long đã liên kết với VNPT, ngân hàng toàn cầu G Bank đã hợp lực với Tập đoàn dầu khí Việt Nam để hình thành nên Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu GP bank.

Những khó khăn của các ngân hàng nước ngoài

Có thể nói sự khác biệt về văn hóa, sự thiếu minh bạch về thông tin và "gánh nặng" của các thủ tục hành chính hiện đang là những trở ngại lớn đối với các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. "Văn hóa ngân hàng phi thị trường" như thói quen giao dịch bằng tiền mặt, giữ tiền mặt, hay tích trữ vàng, ngoại tệ ở nhà của tuyệt đại đa số người dân Việt Nam là những sản phẩm của nền kinh tế tự cấp, tự túc. Để thay đổi được "văn hóa này" không dễ và cần khá nhiều thời gian, trong khi giao dịch của các ngân hàng nước ngoài hầu như dựa hoàn toàn vào "văn hóa chuyển khoản".

Thông tin về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nội địa đang là một "khoảng trống mù". "Văn hóa công khai thông tin tài chính" như phát hành bảng tổng kết tài sản, báo cáo tài chính hay báo cáo luân chuyển tiền mặt, những tài liệu tối thiểu mà một doanh nghiệp hay một ngân hàng phải công bố hàng năm ở các nước thì ở Việt Nam vẫn

đang còn là “của hiếm”. Điều này đang gây khó cho các ngân hàng nước ngoài khi tiếp cận với khách hàng trong nước.

Thủ tục hành chính nặng nề với sự can dự của nhiều cơ quan quản lý nhà nước cũng là một trở lực đối với khối ngân hàng nước ngoài khi triển khai hoạt động tại Việt Nam. Lấy trường hợp xin Giấy phép kinh doanh làm một ví dụ. Để được phép kinh doanh ở Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải thỏa mãn các điều kiện về vốn pháp định, năng lực pháp lý, tỷ lệ nợ xấu, khả năng giám sát. Cụ thể là: (1) Tại nước mình, ngân hàng đó không có bất kỳ vi phạm nào trong lĩnh vực ngân hàng hay lĩnh vực pháp luật trong vòng 3 năm trước khi gia nhập thị trường tài chính Việt Nam; (2) Ngân hàng phải có kinh nghiệm trong kinh doanh quốc tế, có năng lực thực hiện các cam kết tài chính, thậm chí trong các điều kiện xấu của thị trường, đồng thời phải có các tỷ suất rủi ro tốt; (3) Ngân hàng phải có ít nhất 20 tỷ USD vốn điều lệ nếu mở chi nhánh hoặc 10 tỷ USD nếu lập ngân hàng liên doanh hay ngân hàng 100% vốn nước ngoài; (4) Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chí an toàn tài chính như tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu, thực tiễn quốc tế chuẩn, tỷ lệ nợ xấu; (5) Ngân hàng phải chứng minh có lợi nhuận 3 năm liên tục trước khi nộp đơn gia nhập; (6) Ngân hàng phải bảo đảm giá trị thực tế của vốn điều lệ không thấp hơn mức Chính phủ quy định...

Việt Nam: Thay đổi để thích ứng với mở cửa và hội nhập

Là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO, Việt Nam phải thỏa mãn một số yêu cầu trong một vài năm tiếp theo. Trong số đó, có một số cam kết về các lĩnh vực ngân hàng mà Việt Nam phải thực thi:

- Các tổ chức tài chính nước ngoài có thể thiết lập sự hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức: văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

- Các tổ chức tài chính nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam được phép cung cấp mọi loại dịch vụ ngân hàng được mô tả trong phụ lục của Hiệp định GATS như cho vay,

nhận tiền gửi, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ thanh toán, quản lý tài sản.

- Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể nhận tiền gửi không hạn chế bằng VND từ các pháp nhân. Tiền gửi từ các tổ chức Việt Nam sẽ được nói lỏng trong 5 năm như sau:

- Trước ngày 1/1/2007: 650% vốn pháp định

- Trước ngày 1/1/2008: 800% vốn pháp định

- Trước ngày 1/1/2009: 900% vốn pháp định

- Trước ngày 1/1/2010: 1000% vốn pháp định

- Trước ngày 1/1/2022: Đối xử quốc gia đầy đủ

- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép mở các văn phòng giao dịch khác nhưng họ có thể nhận được đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc trong việc thành lập và hoạt động của các máy ATM

- Các tổ chức tài chính nước ngoài được phép phát hành thẻ tín dụng theo điều khoản đối xử quốc gia kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO

- Các ngân hàng nước ngoài có thể đồng thời mở ngân hàng con và chi nhánh tại Việt Nam. Các điều kiện để cấp giấy phép thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài sẽ dựa trên những quy định về tỷ lệ an toàn vốn, khả năng thanh khoản và khả năng thanh toán, quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, tiêu chuẩn đối với các ngân hàng 100% vốn nước ngoài sẽ bao gồm những yêu cầu về vốn và tuân theo các luật lệ quốc tế thông dụng

- Các ngân hàng nước ngoài có thể tham gia liên doanh với các đối tác Việt Nam với tỷ lệ không quá 50% vốn của ngân hàng liên doanh. Tổng số tiền mà các tổ chức nước ngoài được dùng để mua cổ phiếu của các ngân hàng trong nước không được vượt quá 30% tổng vốn của ngân hàng trong nước

- Để thu hút thêm các ngân hàng lớn và tiếng tăm tham gia vào thị trường tài chính Việt Nam, còn có những yêu cầu về tổng vốn của các ngân hàng nước ngoài muốn thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam. Chẳng hạn, để mở một chi nhánh tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải có tổng vốn từ 20 tỷ USD trở lên vào cuối năm trước, còn để mở một ngân

hàng liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài thì con số này là trên 10 tỷ USD,...

Với quá trình cải cách và mở cửa thị trường trong nước, những hạn chế đối với các hoạt động của ngân hàng nước ngoài phải dần được dỡ bỏ và tiến tới dỡ bỏ hoàn toàn. Hàn Quốc trước đây cũng đã hạn chế các khoản vay, gửi bằng ngoại tệ và các dịch vụ ngoại tệ, nhưng gần đây đã bỏ các hạn chế đó, thậm chí còn cho phép các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước không hạn chế trần hay sàn. Thái Lan và Philippines cũng đã bãi bỏ giới hạn tỷ lệ (B. Casu, Cirardone and P. Molyneux, 2006) cổ phần của các ngân hàng nước ngoài trong tổng cổ phần của ngân hàng trong nước. Hầu hết các nước Mỹ Latinh đã mở cửa hoàn toàn cho các dòng vốn quốc tế.

An ninh tài chính đã trở thành mối quan tâm hàng đầu trong giai đoạn khủng hoảng hiện nay. Tuy vậy, điều này không đối lập với xu thế mở cửa và hội nhập với thị trường tài chính thế giới. Chính vì thế, cần có những thay đổi chính sách.

Thay đổi lúc này là từ bỏ càng som càng tốt “văn hóa ngân hàng phi thị trường” đã tồn tại nhiều năm trong hệ thống tài chính nước ta và áp dụng các giải pháp mở cửa hơn nữa thị trường tài chính của Việt Nam, để thích ứng hơn nữa với điều kiện gia nhập WTO cũng như hội nhập vào thị trường tài chính quốc tế. Tuy nhiên, để xây dựng một “văn hóa ngân hàng mới” và khung pháp lý thực sự hợp lý cho mọi đối tác, thì cả các ngân hàng trong nước lẫn các ngân hàng nước ngoài đều cần nhiều nỗ lực để tạo ra sự thay đổi.

Tài liệu tham khảo:

1. B. Casu, Cirardone and P. Molyneux (2006), *Introduction to Banking, Financial Times/Prentice Hall.*
2. Inwon Song (2004), *Foreign Bank Supervision and Challenges to Emerging Market Supervisors, IMF Working Paper, No WB/04/82 May.*
3. Jens Husted, John Rand and Finn Tarp with Nguyen Dinh Tai, Nguyen Van Huong, Ta Minh Thao and Luu Duc Khai (2005), *From Monobank to Commercial Banking-Financial Sector Reforms in Vietnam 1988-2003, Nordic Institute of Asian Studies Press.*
4. Donald J. Mathieson and Garry J. Schinasi (2000), *International Capital Markets: Developments, Prospects, and Key Policy Issues, World Economic and Financial Surveys, IMF, September.*